

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất ở, dịch vụ
thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km 0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 306/TTr-STC ngày 06/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km 0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài.

2. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.

3. Phạm vi, ranh giới và diện tích quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới: Phạm vi ranh giới quy hoạch thuộc Điểm số 3 Quỹ đất dọc đường trục Khu kinh tế nổi dài, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, Khu kinh tế Nhơn Hội, với giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp ruộng lúa và khu dân cư hiện trạng,
- Phía Đông và phía Nam giáp khu dân cư hiện trạng,
- Phía Tây giáp ruộng lúa và mương thoát nước.

b) Tổng diện tích quy hoạch: 103.772,8m² (10,37ha).

4. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị theo CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán
	1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	634.544.000	610.312.000	613.790.000
I	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	49.449.000	49.449.000	49.449.000
II	Chi phí thiết kế quy hoạch	408.672.000	408.672.000	408.672.000
III	Chi phí khác			
	Chi phí khảo sát địa hình	56.034.000	56.034.000	56.034.000
	Chi phí giám sát khảo sát	2.281.000		
	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	8.991.000	8.991.000	8.991.000
	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	40.161.000	40.161.000	40.161.000
	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	35.554.000	18.633.000	18.633.000
	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	7.430.000	2.400.000	2.400.000
	Chi phí công bố quy hoạch	12.260.000	12.260.000	12.260.000
	Chi phí cắm mốc giới ra thực địa (10 mốc)	13.712.000	13.712.000	13.712.000
	Chi phí quyết toán dự án hoàn thành			3.478.000

2. Nguồn vốn:*Đơn vị tính: đồng*

T T	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	634.544.000	613.790.000	610.312.000	3.478.000	
1	Vốn ngân sách	634.544.000	613.790.000	610.312.000	3.478.000	

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: **613.790.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).**5. Vật tư thiết bị tổn động:** không.**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:****1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		613.790.000	
I	Vốn đã được thanh toán	610.312.000	
	Vốn Ngân sách tỉnh năm 2021(chi sự nghiệp kinh tế)	610.312.000	
II	Vốn chưa được thanh toán	3.478.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng;

- Tổng nợ phải trả: 3.478.000 đồng (Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản: không.**Điều 4.** Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán chi phí theo đúng quy định của Nhà nước.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT TT N.T.Thanh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K6, K14.

*Chữ***KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Tuấn Thanh**